

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày 27 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khanh
 - Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Ông Phạm Văn Sáu
- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1967 (có mặt).**
 - Ông Trần Văn M, sinh năm 1960 (có mặt).**
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn:

- Bà Dương Thị L (Lùn), sinh năm 1975 (có mặt).**
 - Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 (vắng mặt).**
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T và ông Trần Văn M trình bày:

Vợ chồng ông bà có tham gia chơi hui do bà L làm chủ. Gồm các dây hui sau:

+ Dây hui thứ nhất: Hui 300.000 đồng, mở ngày 30/3/2022 (âm lịch) có 45 phần, vợ chồng ông bà tham gia 04 phần. Đây là hui tuần, 01 tuần khai 01 lần vào

ngày thứ 7 đến Chủ nhật bà L giao tiền cho người hót hụi. Tuy nhiên, đến kỳ thứ 36 (còn 10 kỳ nữa không khui) thì đình hụi. Vợ chồng ông bà góp được 35 kỳ với số tiền 28.000.000 đồng. Sau đó, ông bà có thỏa thuận với bà L trả cho ông bà 28.000.000 đồng. Phía bà L đã trả cho ông bà 10.000.000 đồng và còn thiếu 18.000.000 đồng nhưng đến nay không trả. Theo đơn khởi kiện, ông bà yêu cầu bà L cùng chồng là ông P trả cho ông bà số tiền đối với dây hụi này là 32.000.000 đồng. Nay ông bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 14.000.000 đồng. Ông bà chỉ yêu cầu bà L và ông P trả cho ông bà số tiền là 18.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi 300.000 đồng, có 03 dây cùng mở ngày 05/10/2022 (âm lịch) cũng là hụi tuần, 01 tuần khui 01 lần vào ngày thứ 7 đến Chủ nhật giao tiền cho người hót hụi. Hụi có 35 phần, ông bà tham gia 03 phần/01 dây. Tổng cộng có 09 phần. Ông bà hót 03 phần (01 phần dây thứ nhất và 01 phần dây thứ hai vào kỳ thứ 11; 01 phần dây thứ 3 vào kỳ thứ 13) (tính tương ứng tuần 1 là kỳ 01 của ngày mở hụi). Sau khi hót, ông bà đã nhận tiền xong (dây thứ nhất nhận 6.620.000 đồng; dây thứ hai nhận 6.690.000 đồng và dây thứ 3 nhận 6.010.000 đồng). Tới tuần thứ 15, ông bà đi khui hụi để hót hụi nữa thì bà L nói đến tuần 20 mới cho hót nữa. Từ đó đến nay bà L không cho ông bà đến khui hụi nên ông bà cũng không góp hụi nữa. Theo đơn khởi kiện, ông bà yêu cầu bà L và ông P trả số tiền đã góp đối với dây hụi này là 57.000.000 đồng. Nay ông bà xin rút lại yêu cầu bà L và ông P trả số tiền 57.000.000 đồng đối với dây hụi này.

Nay ông bà chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông P phải trả cho ông bà số tiền 18.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà T và ông M về phương thức chơi hụi và thời gian hót hụi của bà T và ông M trình bày. Đối với dây hụi thứ hai, do phía bà T và ông M đã hót 03 phần nên đến kỳ thứ 13 phía vợ chồng bà T, ông M hót hụi nữa thì bà không đồng ý.

Nay bà T và ông M yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 18.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng bà yêu cầu được trả dần, mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Bà xác định, ông P là chồng của bà, việc bà mở hụi là để thu hoa hồng (tiền cò) phục vụ chi phí sinh hoạt gia đình.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông P chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu rút số tiền 39.000.000 đồng của bà T và ông M. Buộc bà L và ông P có trách nhiệm trả cho bà T và ông M số tiền là 18.000.000 đồng. Dương sự bà L và ông P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về tố tụng: Bà T và ông M khởi kiện đòi tiền hội đối với bà L và ông P. Bà L và ông P hiện cư trú tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên đây là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà T và ông M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 39.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của bà T và ông M là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của bà T và ông M.

[4] Bà T và ông M khởi kiện yêu cầu bà L và ông P trả số tiền hội 18.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T và ông M cung cấp tờ Hội khai ngày 30/3 âm lịch. Bà T và ông M xác định, đây là dây hội 300.000 đồng, mở ngày 30/3/2022 (âm lịch) có 45 phân, vợ chồng ông bà tham gia 04 phân. Đến kỳ khai hội thứ 36 (còn 10 kỳ nữa không khai) thì bà L đình hội. Ông bà đóng được 35 kỳ với số tiền 28.000.000 đồng. Sau đó, phía bà L đã thanh toán được 10.000.000 đồng, còn thiếu 18.000.000 đồng và không đồng ý thỏa thuận trả dần của bà L. Bà L thống nhất lời trình bày của bà T và ông M về phương thức chơi hội cũng như số tiền còn thiếu là 18.000.000 đồng.

Xét thấy, vào tuần thứ 36 của kỳ hội mở ngày 30/3/2022 (âm lịch), bà L đã ngưng hội và các bên có chốt số tiền hội mà phía bà T và ông M đã góp là 28.000.000 đồng nhưng bà L chỉ trả số tiền là 10.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền hội khi dây hội ngưng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 11, Điều 18 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường. Tại Biên bản xác minh ngày 27/6/2023 thể hiện ông P là

chồng bà L; trong quá trình làm việc, bà L xác định việc bà mở hội là để kiểm thu nhập trang trải cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu được trả dần số tiền trên nhưng phía bà T và ông M không đồng ý. Do đó, bà T và ông M yêu cầu bà L và ông P cùng có trách nhiệm trả số tiền 18.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về án phí sơ thẩm có giá ngạch*: Bà T và ông M không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà T và ông M được chấp nhận nên bà L và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng. Ông M và bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.425.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013540 ngày 17/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại toàn bộ.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 11, Điều 18 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phurong; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Trần Văn M về việc đòi bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn P số tiền hội là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Trần Văn M đối với bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn P.

Buộc bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T và ông Trần Văn M số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn P phải nộp 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị T và ông Trần Văn M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.425.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013540 ngày 17/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại toàn bộ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh